

Số: **18/2025/QĐST-HNGĐ**

Mỏ Cày Nam, ngày 24 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-VDS ngày 02 tháng 01 năm 20245 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Thân Văn Vũ B, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp Hội Th, xã Tân H, huyện M, tỉnh B

2. Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp Định N, xã Định T, huyện M, tỉnh B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre các đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thống nhất việc không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về hôn nhân: Ông Thân Văn Vũ B và bà Trịnh Thị M thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Thân Văn Vũ B, bà Trịnh Thị M đều khai không có.

2. Về lệ phí: Ông Thân Văn Vũ B, bà Trịnh Thị M phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0008341 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (ông B và M đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện MCN (1b);
- Chi cục THADS huyện MCN(1b);
- UBND xã Tân Hội (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HS, VP (3b). ^{TC:9b}

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở